

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST

Ngày 10 - 8 - 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình La

Bà Trần Thị Kim Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Lăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Ông Hoàng Mậu Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2021/TLST- DS ngày 13 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng VN.

Địa chỉ: Tầng 1 (Tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà S, số 111A Pasteur, phường B, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thành C – Chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ Trung tâm Quản lý nợ ngân hàng bán lẻ 2 – Ngân hàng VN (Theo giấy ủy quyền số 107083.22 ngày 03/10/2022).

Người được ủy quyền lại:

Ông Nguyễn Minh H - Cán bộ Ngân hàng VN (vắng mặt)

Ông Nguyễn Duy K - Cán bộ Ngân hàng VN (có mặt).

Đều có địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà C, số 04 T, quận Đ, thành phố Hà Nội (Theo giấy ủy quyền số 040126.23 ngày 13/4/2023).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Mai H, sinh

năm 1975 (vắng mặt).

Đều cư trú: Thôn B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Lại Hữu N, sinh năm 1965 (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1967 (vắng mặt).

- Chị Lại Thị Thu T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

- Chị Lại Thị Thanh T1, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Đều cư trú: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Duy K trình bày: Ngân hàng VN (Viết tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Anh Đ, bà Nguyễn Thị Mai H đã ký kết 02 Hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số 056PGD099/HĐTD/13 ngày 09/7/2013. Theo Khế ước nhận nợ số 056PGD099/13/KU01 ngày 11/7/2013, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Đ, bà H vay số tiền 300.000.000đồng; thời hạn vay 96 tháng, kể từ ngày 11/7/2013 đến ngày 11/7/2021; lãi suất tại thời điểm vay 7,77%/năm; mục đích vay xây dựng nhà ở.

Hợp đồng tín dụng số 056PGD195.HĐTD.14/VIB ngày 11/9/2014. Theo Khế ước nhận nợ số 056PGD195.KU01.14/VIB ngày 11/9/2014, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Đ, bà H vay số tiền 100.000.000đồng; thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày 11/9/2014 đến ngày 11/9/2019; lãi suất tại thời điểm vay 8,99 %/năm; mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh trả góp trung hạn phục vụ hoạt động kinh doanh gia công cơ khí.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, các bên đã ký kết các hợp đồng thế chấp:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 099.01/13/HĐTC-VIB 056/BĐ ngày 09/7/2013, được ký kết giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Anh Đ, bà Nguyễn Thị Mai H với bên nhận thế chấp là Ngân hàng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng 537m² đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 34.1, tờ bản đồ số 15 tại thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 499371, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H02119/QSDĐ/1273/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 20/7/2006 đứng tên ông Nguyễn Anh Đ. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng Vĩnh Phú, tỉnh Vĩnh Phúc công chứng ngày 09/7/2013 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng Tài nguyên và Môi trường – Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 10/7/2013.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 099/13/HĐTC-VIB 056/BĐ ngày 09/7/2013, được ký kết giữa bên thế chấp là hộ ông Lại Hữu N (gồm: Ông N, bà H1, chị T, chị T1) với bên nhận thế chấp là Ngân hàng và bên vay là ông Đ, bà H. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng 136,5m² đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 03 tại thôn K, xã T, huyện T (nay là huyện Tam Đảo), tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 170258, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 03841QSĐĐ/1065/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 12/12/2002 đứng tên hộ ông Lại Hữu N. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng Vĩnh Phú, tỉnh Vĩnh Phúc công chứng ngày 09/7/2013 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng Tài nguyên và Môi trường – Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 10/7/2013.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng trên, ông Đ và bà H đã trả được cho Ngân hàng tổng số tiền 569.354.759 đồng; trong đó tiền gốc 400.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 168.720.520 đồng, tiền lãi quá hạn 634.239 đồng; cụ thể: Đối với Hợp đồng tín dụng số 056PGD099/HĐTD/13 ngày 09/7/2013 đã trả được 300.000.000 đồng tiền gốc, 149.183.265 đồng tiền lãi trong hạn, 476.292 đồng tiền lãi quá hạn. Đối với Hợp đồng tín dụng số 056PGD195.HĐTD.14/VIB ngày 11/9/2014 đã trả được 100.000.000 đồng tiền gốc, 19.537.255 đồng tiền lãi trong hạn, 157.947 đồng tiền lãi quá hạn.

Do vi phạm nghĩa vụ theo các hợp đồng tín dụng nêu trên nên khoản vay đã bị chuyển quá hạn từ ngày 20/07/2017.

Tính đến hết ngày 10/8/2023 ông Đ, bà H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 133.822.818 đồng; trong đó nợ gốc 0 đồng, nợ lãi trong hạn 16.148.477 đồng, nợ lãi quá hạn 117.674.341 đồng; cụ thể: Đối với Hợp đồng tín dụng số 056PGD099/HĐTD/13 ngày 09/7/2013, nợ lãi trong hạn là 9.976.252 đồng, nợ lãi quá hạn là 84.904.057 đồng. Đối với Hợp đồng tín dụng số 056PGD195.HĐTD.14/VIB ngày 11/9/2014, nợ lãi trong hạn là 6.172.225 đồng, nợ lãi quá hạn là 32.770.284 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho ông Đ, bà H thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng ông Đ, bà H đã không thực hiện việc trả nợ, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Nay Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Anh Đ và bà Nguyễn Thị Mai H phải trả Ngân hàng tổng số tiền tính đến hết ngày 10/8/2023 là: 133.822.818 đồng; trong đó nợ lãi trong hạn 16.148.477 đồng, nợ lãi quá hạn 117.674.341 đồng. Đồng thời ông Đ và bà H vẫn phải có trách nhiệm tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số 056PGD099/HĐTD/13 ngày 09/07/2013 và Hợp đồng tín dụng số 056PGD195.HĐTD.14/VIB ngày 11/09/2014 cho đến khi ông Đ, bà H trả hết nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Anh Đ và bà Nguyễn Thị Mai H không trả được nợ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 099.01/13/HĐTC-VIB 056/BĐ ngày 09/7/2013 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 099/13/HĐTC-VIB 056/BĐ ngày 09/7/2013 để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông Nguyễn Anh Đ và bà Nguyễn Thị Mai H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn, ông Nguyễn Anh Đ tại bản tự khai ngày 08/6/2021 trình bày: Ngày 09/7/2013 vợ chồng ông có ký kết với Ngân hàng VN Hợp đồng tín dụng số 056PGD099/HĐTD/13 để vay số tiền là 300.000.000đồng, thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày nhận nợ, mục đích vay là để xây nhà ở. Ngày 11/9/2014 vợ chồng ông tiếp tục ký với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số 056PGD195.HĐTD.14/VIB ngày 11/09/2014 để vay số tiền là 100.000.000đ, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Tài sản bảo đảm cho 02 khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa số 34.1, tờ bản đồ số 15 tại địa chỉ: Thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 499371 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 20/7/2006 đứng tên ông Nguyễn Anh Đ và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 167, tờ bản đồ số 03 tại địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 170258, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 12/12/2002 đứng tên hộ ông Lại Hữu N.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng vợ chồng ông đã trả được Ngân hàng một phần nợ gốc, lãi. Do kinh tế gia đình gặp khó khăn từ giữa năm 2017 nên vợ chồng ông chưa trả được nợ cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn. Ông đề nghị Ngân hàng cho trả nợ dần, trường hợp vợ chồng ông không trả được nợ cho Ngân hàng, ông đồng ý để Ngân hàng phát mại tài sản thế chấp.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mai H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lại Hữu N, bà Nguyễn Thị H1, chị Lại Thị Thu T, chị Lại Thị Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91; khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 280, 295, 299, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VN đối với ông Nguyễn Anh Đ và bà Nguyễn Thị Mai H. Buộc ông Nguyễn Anh Đ và bà Nguyễn Thị Mai H phải trả cho

Ngân hàng VN tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 10/8/2023 là: 133.822.818 đồng (*Một trăm ba mươi ba triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, tám trăm mười tám đồng*). Trong đó nợ của Hợp đồng tín dụng số 056PGD099/HĐTD/13 ngày 09/7/2013 là 94.880.309 đồng, gồm nợ lãi trong hạn là 9.976.252 đồng, nợ lãi quá hạn là 84.904.057 đồng và số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 056PGD195.HĐTD.14/VIB ngày 11/9/2014 là 38.942.509 đồng, gồm nợ lãi trong hạn là 6.172.225 đồng, nợ lãi quá hạn là 32.770.284 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 11/8/2023, cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Anh Đ và bà Nguyễn Thị Mai H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số 056PGD099/HĐTD/13 ngày 09/07/2013 và Hợp đồng tín dụng số 056PGD195.HĐTD.14/VIB ngày 11/09/2014.

Trường hợp ông Nguyễn Anh Đ và bà Nguyễn Thị Mai H không thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên cho Ngân hàng thì tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 099.01/13/HĐTC – VIB 056/BĐ ngày 09/7/2013 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 099/13/HĐTC-VIB 056/BĐ ngày 09/7/2013 được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Việc xử lý tài sản thế chấp theo số liệu đo đạc và tài sản thực tế mà Cơ quan Thi hành án kê biên tại thời điểm thi hành án. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông Nguyễn Anh Đ và bà Nguyễn Thị Mai H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng VN khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Anh Đ và bà Nguyễn Thị Mai H phải trả tiền vay từ các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, mục đích vay để xây dựng nhà và bổ sung vốn kinh doanh nên đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về nội dung vụ án.

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Về hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số 056PGD099/HĐTD/13 ngày 09/7/2013 và Hợp đồng tín dụng số 056PGD195.HĐTD.14/VIB ngày 11/9/2014, được giao kết giữa các bên có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục

đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự, đúng quy định tại các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự, nên 02 hợp đồng tín dụng trên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn ông Nguyễn Anh Đ và bà Nguyễn Thị Mai H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo 02 Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến hết ngày 10/8/2023 ông Đ, bà H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 133.822.818 đồng; trong đó nợ gốc 0 đồng, nợ lãi trong hạn 16.148.477 đồng, nợ lãi quá hạn 117.674.341 đồng; cụ thể: Đối với Hợp đồng tín dụng số 056PGD099/HĐTD/13 ngày 09/7/2013, nợ lãi trong hạn là 9.976.252 đồng, nợ lãi quá hạn là 84.904.057 đồng. Đối với Hợp đồng tín dụng số 056PGD195.HĐTD.14/VIB ngày 11/9/2014, nợ lãi trong hạn là 6.172.225 đồng, nợ lãi quá hạn là 32.770.284 đồng.

Do vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông Đ và bà H phải trả Ngân hàng tổng số tiền còn nợ là 133.822.818 đồng; đồng thời ông Đ và bà H vẫn phải có trách nhiệm tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 056PGD099/HĐTD/13 ngày 09/07/2013 và Hợp đồng tín dụng số 056PGD195.HĐTD.14/VIB ngày 11/09/2014 cho đến khi ông Đ, bà H trả hết nợ là phù hợp, cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 099.01/13/HĐTC – VIB 056/BĐ ngày 09/7/2013 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 099/13/HĐTC-VIB 056/BĐ ngày 09/7/2013 được Văn phòng công chứng Vĩnh Phú, tỉnh Vĩnh Phúc công chứng ngày 09/7/2013 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng Tài nguyên và Môi trường – Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 10/7/2013. Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối; nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật và đã được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên phát sinh hiệu lực. Trình tự, thủ tục thế chấp tài sản của các bên đúng quy định tại các Điều 4, 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông Đ, bà H không trả được nợ cho Ngân hàng là phù hợp cần chấp nhận.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ và tổng đạt hợp lệ cho các đương sự để xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là thửa đất số 34.1, tờ bản đồ số 15 tại địa chỉ thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc và thửa đất số 167, tờ bản đồ số 03 tại địa chỉ xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; tuy nhiên bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhiều lần không có mặt ở thửa đất và đóng cửa cổng nên không thể tiến hành xem xét thẩm

định tại chỗ. Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện T và Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, đều thể hiện địa phương không nhận được đơn thư, khiếu nại hay tranh chấp gì liên quan đến thửa đất trên. Do vậy khi xử lý đối với tài sản thế chấp, Cơ quan Thi hành án căn cứ vào các tài sản thể hiện tại Hợp đồng thế chấp và số liệu đo đạc thực tế tại thời điểm thi hành án để kê biên đối với tài sản.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Anh Đ và bà Nguyễn Thị Mai H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng VN không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91; khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 280, 295, 299, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VN đối với ông Nguyễn Anh Đ và bà Nguyễn Thị Mai H.

Buộc ông Nguyễn Anh Đ và bà Nguyễn Thị Mai H phải trả cho Ngân hàng VN tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 10/8/2023 là: 133.822.818 đồng (*Một trăm ba mươi ba triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, tám trăm mười tám đồng*). Trong đó nợ của Hợp đồng tín dụng số 056PGD099/HĐTD/13 ngày 09/7/2013 là 94.880.309 đồng, gồm nợ lãi trong hạn là 9.976.252 đồng, nợ lãi quá hạn là 84.904.057 đồng và số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 056PGD195.HĐTD.14/VIB ngày 11/9/2014 là 38.942.509 đồng, gồm nợ lãi trong hạn là 6.172.225 đồng, nợ lãi quá hạn là 32.770.284 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 11/8/2023, cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Anh Đ và bà Nguyễn Thị Mai H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số 056PGD099/HĐTD/13 ngày 09/07/2013 và Hợp đồng tín dụng số 056PGD195.HĐTD.14/VIB ngày 11/09/2014.

Trường hợp ông Nguyễn Anh Đ và bà Nguyễn Thị Mai H không thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên cho Ngân hàng VN thì tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 099.01/13/HĐTC – VIB 056/BĐ ngày 09/7/2013 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 099/13/HĐTC-VIB 056/BĐ ngày 09/7/2013 được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng VN theo quy định của pháp luật. Việc xử lý tài sản thế chấp theo số liệu đo đạc và tài sản thực tế mà Cơ quan Thi hành án kê biên tại thời điểm thi hành án.

Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông Nguyễn Anh Đ và bà Nguyễn Thị Mai H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng VN

Về án phí: Ông Nguyễn Anh Đ và bà Nguyễn Thị Mai H phải chịu 6.691.140đồng, làm tròn là 6.691.000đồng (*Sáu triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng VN số tiền 7.880.000đồng (Bảy triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0001618 ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hạnh